

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2021.
V/v Ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**;
Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Liên**, Ông **Bùi Thanh Xuân**;
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng** – Thư ký Tòa án;
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thu Hiền** - Kiểm sát viên;

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở Tòa án huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự - Hôn nhân gia đình: Ly hôn thụ lý số 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09/3/2021 giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1983;

ĐKKHKT: Xóm B, xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

Hiện ở: Xóm T, xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm B, xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

Người đại diện: Ông **Nguyễn Tuấn Ng**, Giám đốc (Vắng);

Địa chỉ: Khu M, thị trấn M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

{1} Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn chị Phạm Thị T cho rằng:

*Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L là vợ chồng; anh chị quen và yêu nhau, có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 13/12/2004. Quá trình từ khi chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường được khoảng hơn mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn lúc đầu chỉ nhỏ nhặt từ những sinh hoạt, đời sống thường ngày nhưng anh L đã chửi bới và xúc phạm chị. Càng về sau thì việc chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị lại được tăng thêm. Chị không biết nguyên do từ đâu nhưng vì con cái, chị cố nhẫn nhịn nhưng càng chịu đựng thì anh L càng được đà lấn tới. Chỉ vì nhà ngoại ở gần, ông bà ngoại lại già, yếu chị xuống chăm sóc ông bà thì anh L ngăn cản; Chị xin đi làm để chủ động về kinh tế và có điều kiện chăm lo cho bố mẹ hơn thì anh L không

cho đi. Anh L lại thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi chửi bới, không những thế còn đánh đập chị; Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng chỉ được vài ngày thì chuyện đâu lại hoàn đó; không những thế anh L còn sinh ra rượu chè bê tha, không chịu khó làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con. Mâu thuẫn không được giải quyết càng ngày càng trầm trọng, không hòa giải được. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà ngoại ở nhưng được gia đình, anh em khuyên can nên chị lại nguôi ngoai lại về cùng anh để chăm lo cho gia đình và con cái. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng lại bị đẩy lên đỉnh điểm do chị ốm đau, không làm ăn được gì, ông bà ngoại cũng đau yếu không có người chăm lo, anh L rượu chè say sấn cũng ngã, đau không làm được gì đỡ dần chị lại còn chửi bới hành hạ tinh thần chị khiến cuộc sống vợ chồng vô cùng nặng nề. Sức chịu đựng của chị có hạn, chị không thể chấp nhận thêm việc sống chung cùng anh Linh và thấy tình cảm vợ chồng đã hết do vậy chị T làm đơn xin được ly hôn.

*Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Diệu L, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 24/01/2009. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh L phải có trách nhiệm đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung .

*Về tài sản chung: Có nhà xây trị giá khoảng 200.000.000đ, đất vườn có 25 gốc bưởi đã cho thu hoạch, 01 con bò mẹ trị giá khoảng 15.000.000đ; 01 xe máy trị giá khoảng 10.000.000đ và toàn bộ vật dụng gia đình, chị giao cho anh Linh sử dụng toàn bộ và có trách nhiệm trả nợ số nợ chung 25.000.000 đ tiền chăn nuôi + 8.000.000đ tiền xóa đói giảm nghèo, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn.

Về án phí: Chị Phạm Thị T xin chịu toàn bộ.

{2}Bị đơn anh Bùi Văn L cho rằng: Về cơ bản anh đồng ý với ý kiến của chị T, anh cũng thừa nhận có nhiều lúc còn chưa chịu khó làm ăn, chưa chăm lo tốt cho gia đình vợ con và còn rượu chè say sấn chửi bới và có cả đánh đập chị T nhưng những việc đó đã từ lâu. Những khi ấy cô T không nói gì nhưng gần đây không hiểu sao cô T cứ kiên quyết đòi ly hôn, dù anh đã khuyên giải và phân tích nhiều để cô T rút đơn về. Tuy nhiên cô T vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa phải là lớn và không phải không giải quyết được. Anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị T vẫn không thay đổi vì thế gia đình luôn trục trặc. Tuy nhiên hiện các cháu còn nhỏ và vợ chồng còn phải lo cho con cái có gia đình và sự nghiệp nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị T đã trình bày, nếu phải ly hôn anh cũng xin được nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con và việc đóng góp nuôi con tùy cô T, anh không có ý kiến gì. Về tài sản chung và công nợ chung: Ý kiến của chị T đưa ra, anh cũng không có ý kiến gì; Về án phí: Anh nhất trí như ý kiến của chị T.

{3}Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tuấn Ng, giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cho rằng:

Số nợ chung 25.000.000 đ tiền chăn nuôi bò và 8.000.000đ tiền hỗ trợ hộ mới xóa đói giảm nghèo. Tổng vay: 33.000.000đ. Đề nghị Tòa buộc vợ chồng T L phải thanh toán trả trước 10.000.000đ; còn 23.000.000đ đề nghị buộc người ở lại nhà phải có trách nhiệm thanh toán, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, không thay đổi, bổ sung hoặc rút một phần đơn khởi kiện. Bị đơn cũng giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được tạo điều kiện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Chị T và anh L đã không còn cơ hội đoàn tụ để có một cuộc sống hạnh phúc như bao người khác. Bởi anh L đã luôn ghi ngờ chị T về quan hệ gia đình đồng thời anh chị không có động thái hay biện pháp nào để giúp cải thiện tình trạng vợ chồng; cả hai thờ ơ, bỏ mặc và thiếu quan tâm đến nhau cũng như đời sống tình cảm của phía bên kia. Tình cảm vợ chồng dần xa cách đến không còn cơ hội cứu vãn. Xét tình trạng vợ chồng chị T và anh L đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn với anh L, Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Diệu L, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Tiến D, sinh ngày 24/01/2009. Khi ly hôn chị T và anh L đều xin được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu bên kia phải có trách nhiệm đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: Có nhà xây trị giá khoảng 200.000.000đ, đất vườn có 25 gốc bưởi đã cho thu hoạch, 01 con bò mẹ trị giá khoảng 15.000.000đ; 01 xe máy trị giá khoảng 10.000.000đ và toàn bộ vật dụng gia đình, chị T tự nguyện giao toàn bộ cho anh L sử dụng và không yêu cầu chia nên ghi nhận sự tự nguyện này là có căn cứ. Công nợ chung: Số nợ chung 25.000.000 đ tiền chăn nuôi bò và 8.000.000đ tiền hỗ trợ hộ mới xóa đói giảm nghèo. Tổng: 33.000.000đ. Dù đại diện Ngân hàng chính sách chi nhánh Tân Lạc đề nghị Tòa buộc vợ chồng T L phải thanh toán trả trước 10.000.000đ; còn 23.000.000đ đề nghị buộc người ở nhà phải có trách nhiệm thanh toán, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn; Tuy nhiên xét chị Phạm Thị T đã để lại toàn bộ tài sản cho anh Bùi Văn L nên cần buộc anh Bùi Văn L ở nhà phải có trách nhiệm thanh toán, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn; án phí chấp nhận sự tự nguyện của chị T tự chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được, thấy rằng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn L là vợ chồng hợp pháp, ngày 13/12/2004 anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn không được giải quyết bởi thế cứ kéo dài; những điều hai vợ chồng không vừa ý với nhau nhưng cả hai đều không nói ra, chia sẻ, góp ý để bên kia rút kinh nghiệm mà cả hai đều ghi nhớ, tích lại, ghi nhớ khiến tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau; cuộc sống chung thực tế không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn chị T đã làm đơn xin được ly hôn. Anh Bùi Văn L đã thiếu quan tâm đến gia đình mà buông xuôi, bỏ mặc; đồng thời không đưa ra được giải pháp cải thiện tình trạng gia đình. Mặc dù

anh biết mâu thuẫn vợ chồng đã lớn nhưng anh cho rằng các cháu còn nhỏ, chưa trưởng thành nên để các cháu có gia đình riêng và sự nghiệp bởi vậy anh không đồng ý ly hôn.

Xét tình trạng vợ chồng Phạm Thị T và Bùi Văn L đã trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Bùi Văn L là phù hợp và có căn cứ.

2. Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Bùi Diệu L, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Tiên D, sinh ngày 24/01/2009. Khi ly hôn chị T và anh L đều xin được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu bên kia phải có trách nhiệm đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung; Tuy nhiên tại phiên tòa chị T và anh L thỏa thuận để cả hai cháu cho anh L nuôi dưỡng nên chấp nhận: Công nhận thỏa thuận: Giao cả hai cháu Bùi Diệu L, Bùi Tiên D cho anh Bùi Văn L nuôi dưỡng, giáo dục, Chấp nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T với mức 2.000.000 đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật là thỏa đáng.

3. Về tài sản chung: Có nhà xây trị giá khoảng 200.000.000đ, đất vườn có 25 gốc bưởi đã cho thu hoạch, 01 con bò mẹ trị giá khoảng 15.000.000đ; 01 xe máy trị giá khoảng 10.000.000đ và toàn bộ vật dụng gia đình, chị T tự nguyện giao toàn bộ cho anh L sử dụng và không yêu cầu chia nên ghi nhận sự tự nguyện này là có căn cứ.

Công nợ chung: Số nợ chung 25.000.000 đ tiền chăn nuôi bò và 8.000.000đ tiền hỗ trợ hộ mới xóa đói giảm nghèo. Tổng: 33.000.000đ. Dù đại diện Ngân hàng chính sách chi nhánh Tân Lạc đề nghị Tòa buộc vợ chồng T L phải thanh toán trả trước 10.000.000đ; còn 23.000.000đ đề nghị buộc người ở nhà phải có trách nhiệm thanh toán, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn; Tuy nhiên xét chị Phạm Thị T đã để lại toàn bộ tài sản cho anh Bùi Văn L nên cần buộc anh Bùi Văn L ở nhà phải có trách nhiệm thanh toán, toàn bộ số tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc khi đến kỳ hạn là có căn cứ;

4. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn. Sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Bởi vậy;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nay tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Bùi Diệu L, sinh ngày 15/5/2005 và Bùi Tiên D, sinh ngày 24/01/2009. Công nhận thỏa thuận: Giao cả hai cháu Bùi Diệu L, Bùi Tiên D cho anh Bùi Văn L nuôi dưỡng, giáo dục, Chấp nhận

sự tự nguyện của chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho anh L với mức 2.000.000 đ/tháng cho đến khi cháu D trưởng thành. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật

3. Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T giao nhà xây, đất vườn với 25 gốc bưởi đã cho thu hoạch, 01 con bò mẹ, 01 xe máy và toàn bộ vật dụng gia đình cho anh Bùi Văn L sử dụng và buộc anh Bùi văn L phải có trách nhiệm thanh toán số công nợ chung gồm: Toàn bộ số tiền gốc 25.000.000 đ + 8.000.000đ. Tổng: 33.000.000đ và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình khi đến kỳ hạn;

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp Tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, theo biên lai thu tiền ký hiệu AA/2017 số 0005054 ngày 11/01/2021, nay không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét xử.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân lạc, T. Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc, T. Hòa Bình;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND xã Thi, H. Tân Lạc;
- Đương sự;
- Lưu HS + VT + LT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng